

Thần Học Tê-rê-sa

Lê Anh Huy



1- Dẫn nhập:

Nữ tu Tê-rê-sa, lãnh giải Nobel hòa bình vào năm 1979, được nhiều người trên thế giới, kể cả một số Cơ-đốc nhân trong vị trí lãnh đạo ngưỡng mộ và đề cao như là một Cơ-đốc nhân gương mẫu [1,2]. Bà được gọi bằng Mẹ, có lẽ vì bà sáng lập và quản nhiệm một giòng tu mới tại Ấn Độ. Bà nổi tiếng trên thế giới vì Mục Vụ Tình Yêu^a do bà sáng lập và điều hành. Đây là mục vụ giúp đỡ và chăm sóc người nghèo khó, tàn tật, bệnh hoạn, vô gia cư. Sau khi qua đời vào năm 1997, bà được Giáo Hoàng John Paul II phong hạnh^b, tức là được tuyên bố là người được Phước Hạnh. Đây là bước đầu tiên của tiến trình phong thánh^c, tức là được tuyên bố là “thánh nhân^d.”

Mặc dù bà Tê-rê-sa và các cộng sự viên của bà làm việc xã hội, nhưng họ không phải là nhân viên xã hội [3]. Như chúng ta sẽ thấy sau đây hoạt động của họ nằm dưới danh nghĩa tôn giáo, hay cụ thể hơn là đem niềm tin Công Giáo đi vào thế gian qua công tác nhân đạo phục vụ người nghèo khó. Đối với tiêu chuẩn của con người, sự hy sinh của Nữ Tu Tê-rê-sa và các cộng sự viên của bà thật sự là quá cao cả; Cơ-đốc nhân không thể tránh được cảm giác hổ thẹn khi mình tuyên xưng là con cái của Chúa mà không làm được những việc như bà. Đứng trước sự hy sinh cao cả đó, im lặng mà ngưỡng mộ có lẽ là thái độ thích hợp nhất cho Cơ-đốc nhân. Tuy nhiên, vì tổ chức của bà là một tổ chức truyền giáo qua công tác nhân đạo để đem tình yêu của Đức Chúa Jesus Christ và niềm tin vào Đức Chúa Trời đến với thế gian, nên Cơ-đốc nhân có thể có tiếng nói, dựa trên nền tảng Thánh Kinh, và dựa trên những giáo lý bà phổ biến. Đó là vì Đức Chúa Trời là Sự Sống cho những ai kêu cầu danh Ngài (Rô-ma 10:13); và Thánh Kinh là lời của Ngài mà loài người phải sống bằng mọi lời ra từ miệng của Ngài (Ma-thi-ơ 4:4), cho nên, hễ ai công bố đức tin của mình vào Đức Chúa Trời đều có quyền thừa kế di sản quý báu này để dùng vào việc phân biệt các thần (1 Giăng 4:1). Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi sẽ không phê phán công đức của Nữ Tu Tê-rê-sa theo tiêu chuẩn của con người, nhưng chúng tôi có quyền phân tích và phê bình lời dạy của bà về tất cả những gì liên quan đến những mặc khải của Đức Chúa Trời trong Thánh Kinh. Chúng tôi gọi tất hệ thống niềm tin và giảng dạy của Nữ Tu Tê-rê-sa là Thần Học Tê-rê-sa.

2- Tóm lược các điểm chính trong Thần Học Tê-rê-sa:

Trước hết, vì bà Tê-rê-sa là một nữ tu Công Giáo ngoan đạo, nên thần học của bà dựa trên nền tảng thần học của Công Giáo. Cụ thể là: Thờ bà Ma-ri [4], chịu phục giáo hoàng, tin vào các truyền thống và các bí tích, v.v. Trong phạm vi bài này, chúng tôi sẽ không bàn về tính Kinh Thánh của các điểm thần học này mà chỉ muốn làm nổi bật một điều. Đó là trên lý thuyết, người Công Giáo tin vào Thiên Chúa Ba Ngôi như Cơ-đốc nhân, nhưng trên thực tế, họ thờ bà Ma-ri là mẹ phần xác của Đức Chúa Jesus Christ. Trên lý thuyết, người Công Giáo xem Thánh Kinh và truyền thống ngang nhau, nhưng trên thực tế họ nghe lời hệ thống giáo phẩm nhiều hơn là đọc Thánh Kinh. Trong sự thờ phượng, Đức Chúa Trời không nhường một li vinh hiển cho bất kỳ ai, kể cả bà Ma-ri, là người nữ được phước nhất trong số các người nữ trên đất (Lu-ca 1:42), nhưng chỉ là một công cụ, hay nói đúng hơn là đầy tớ của Đức Chúa Trời (Lu-ca 1:38). Sự thờ phượng bà Ma-ri thay vì thờ phượng Đức Chúa Trời là hậu quả của việc khuất phục Nữ Vương Trên Trời mà Đức Chúa Trời đã phán án nặng nề mà chúng tôi đã có dịp bàn qua [5]. Người thờ các thần khác chưa có sự sống của Đức Chúa Trời vì Đức Chúa

Jesus đã có phán: *"Và, sự sống đời đời là nhìn biết Cha, tức là Đức Chúa Trời có một và thật, cùng Jêsus Christ, là Đấng Cha đã sai đến"* (Giăng 17:3). Vì vậy, tín đồ Công Giáo đứng trước một nguy hiểm cực kỳ, có thể lấy mạng họ đời đời, vì trên lý thuyết họ tuyên bố là "nhìn biết" Thiên Chúa Ba Ngôi, nhưng trên thực tế họ lại thờ Nữ Vương Trên Trời trong lối Bà Ma-ri.

2.1- Thần học về sự nghèo khó:

Trên nền tảng của thần học Công giáo đó, bà Tê-rê-sa còn phát huy cho riêng mình một số



Nữ tu Tê-rê-sa

quan điểm thần học khác, trong đó có "Đức Chúa Jesus đồng nhất với người nghèo" là điểm thần học quan trọng nhất, là nền tảng cho Mục Vụ Tình Yêu của bà. Bà dạy: *"Đức Chúa Trời đồng nhất Ngài với người đói, người bệnh, người vô gia cư..."* [6]. Một nơi khác bà dạy: *"Ngày hôm nay Đấng Christ ở trong những người không được ai muốn, người thất nghiệp, người không ai chăm sóc, đói, trần truồng, và vô gia cư"* [7]. Ở nơi khác, bà dạy: *"Tôi thấy Đấng Christ trong mọi người mà tôi đụng chạm bởi vì Ngài phán: 'Ta đói, ta khát, ta trần truồng, ta bệnh, ta chịu khổ, ta không nhà và người cho ta... Chỉ đơn giản thế thôi. Mỗi khi tôi cho một miếng bánh, tôi cho Ngài. Do vậy, chúng tôi phải kiếm người đói, người trần trụi. Vì vậy, chúng tôi hoàn toàn buộc chặt với người nghèo'"* [8]. Cơ sở Thánh Kinh của quan điểm thần học này như sau:

"Bấy giờ, vua sẽ phán cùng những kẻ ở bên hữu rằng: Hỡi các người được Cha ta ban phước, hãy đến mà nhận lấy nước thiên đàng đã sẵn sẵn cho các người từ khi dựng nên trời đất. Vì ta đói, các người đã cho ta ăn; ta khát, các người đã cho ta uống; ta là khách lạ, các người tiếp rước ta; ta trần truồng, các người mặc cho ta; ta đau, các người thăm ta; ta bị tù, các người viếng ta.

Lúc ấy, người công bình sẽ thưa rằng: Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Chúa đói, mà cho ăn; hoặc khát, mà cho uống? Lại khi nào chúng tôi đã thấy Chúa là khách lạ mà tiếp rước; hoặc trần truồng mà mặc cho? Hay là khi nào chúng tôi đã thấy Chúa đau, hoặc bị tù, mà đi thăm viếng Chúa? Vua sẽ trả lời rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, hễ các người đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn mọn này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy.

Kế đó, Ngài sẽ phán cùng những người ở bên tả rằng: Hỡi kẻ bị rủa, hãy lui ra khỏi ta; đi vào lửa đời đời đã sẵn sẵn cho ma quỷ và những quỷ sứ nó. Vì ta đã đói, các người không cho ăn; ta khát, các người không cho uống; ta là khách lạ, các người không tiếp rước; ta trần truồng, các người không mặc cho ta; ta đau và bị tù, các người không thăm viếng. Đến phiên các người này bèn thưa lại rằng: Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Chúa, hoặc đói, hoặc khát, hoặc làm khách lạ, hoặc trần truồng, hoặc đau ốm, hoặc bị tù mà không hầu việc Ngài ư? Ngài sẽ đáp lại rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, hễ các người không làm việc đó cho một người trong những người rất hèn mọn này, ấy là các người cũng không làm cho ta nữa. Rồi những kẻ này sẽ vào hình phạt đời đời, còn những người công bình sẽ vào sự sống đời đời." (Ma-thi-ơ, Mathew 25:34-46)

Vì Đức Chúa Jesus được đồng nhất với người nghèo nên yêu/phục vụ Chúa tức là yêu/phục vụ người nghèo, hay ngược lại.

Sự nghèo khó đối với bà Tê-rê-sa là một quà tặng từ Đức Chúa Trời vì khi nghèo có ít chướng ngại vật giữa người và Ngài hơn [9]. Những chướng ngại này là tội lỗi gây ra do lòng

ganh ghét, tham lam, v.v. che khuất Đức Chúa Trời khỏi loài người. Do đó, theo bà Tê-rê-sa, chúng ta cần phải nghèo khó thật sự vì nó giữ lòng chúng ta khỏi bị gấn bó với những điều trên.

2.2- Thần học về sự cứu rỗi:

Bà Tê-rê-sa không bàn về bản chất tội lỗi từ trong lòng mẹ của loài người, cũng như sự ăn năn từ bỏ bản chất cũ, và khoác lên người một bản chất mới nhờ vào sự tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa Duy Nhất. Bà không nhắc đến địa ngục là nơi cầm giữ đời đời những linh hồn cho đến hơi thở cuối cùng vẫn cứng lòng chối bỏ Đức Chúa Trời. Bà không rao truyền về sự cứu rỗi trong huyết cứu chuộc của Đức Chúa Jesus Christ nhờ vào đó con người bước từ tối qua sáng, từ chết qua sống, từ địa ngục qua thiên đàng; nhưng bà tin vào công việc cải lòng của Đức Chúa Trời và của Đức Chúa Jesus Christ. Bà hy vọng mục vụ của bà giúp vào sự cải lòng đó nhưng vẫn công nhận ý chí tuyệt đối tự do của con người, có chấp nhận để Chúa cải lòng mình hay không [10]. Do vậy, phương pháp của bà là phục vụ con người, để họ có thể đến gần với Chúa càng hơn. Theo bà, con người có thể tiệm tiến đến gần Đức Chúa Trời trong vị trí hiện tại của mình; nghĩa là, nếu một người Công Giáo, hay Hồi Giáo, hay Tin Lành, hay Ấn Giáo, hay Phật Giáo, v.v. trở nên một người Công Giáo tốt hơn, hay một người Hồi Giáo tốt hơn, hay một người Tin Lành tốt hơn, hay một tín đồ Ấn Giáo tốt hơn, hay một Phật tử tốt hơn, thì nhờ vào sự "tốt hơn" đó chúng ta càng tới gần Đức Chúa Trời hơn [10]. Đối với bà, có một Đấng Thượng Đế tối cao, và con người vẫn có thể chứng tỏ mình thuộc về Ngài mà vẫn giữ tôn giáo của mình bất kể tôn giáo đó là gì. Bà viết: "*Cho dù bạn là một tín đồ Ấn Giáo, Hồi Giáo, hay một Cơ-đốc nhân, cách bạn sống như thế nào là bằng chứng cho biết bạn có thuộc về ngài hoàn toàn hay không*" [11]. Vì tin như vậy, nên khi đối diện với các bệnh nhân hấp hối bà không giới thiệu sự cứu rỗi trong danh của Đấng Christ, danh duy nhất dưới gầm trời mà qua đó tội nhân khỏi bị phán đọa trong địa ngục (Công Vụ 4:12), mà là "*cho họ bất kỳ cái gì họ yêu cầu theo niềm tin tôn giáo của họ. Có người đòi nước Ganges, người đòi nước thánh, hay một lời cầu nguyện. Có người chỉ xin một trái táo, hay miếng bánh, hay điều thuốc. Người khác chỉ xin có một người ngồi bên cạnh với họ*" [12].

3- Thần học Tê-rê-sa dưới ánh sáng Thánh Kinh:

Theo Thánh Kinh, trong đời sống của người tin nhận Chúa tồn tại bốn yếu tố quện lẫn vào nhau như bốn mặt của một vật: đức tin, tình yêu, việc làm (hay công đức) và chân lý. Nếu đã có đức tin thì phải có việc làm đi cùng, nếu không, đức tin đó là đức tin chết (Gia-cơ 2:16, 27). Nếu đã yêu thì tình yêu đó phải có việc làm và phải ở trong chân lý (1 Giăng, 1 John 3:18). Nếu đã yêu thì phải hoan hỉ trong chân lý (1 Cô-rinh-tô 13:6). Nếu bốn yếu tố này đồng tồn tại thì đức tin đó, tình yêu đó, việc làm đó, chân lý đó là đức tin trong Christ, tình yêu trong Christ, việc làm trong Christ, và chân lý của Christ theo thứ tự, hay nói tóm lại, đó là bản tánh của Christ. Ngược lại, nếu ít nhất một trong các yếu tố trên thiếu vắng thì bức tranh tâm linh của chúng ta hoàn toàn bị méo mó mặc dù các yếu tố khác rất vĩ đại.

Đức tin không có việc làm là đức tin chết, nhưng việc làm, dù cho việc làm nhân danh Chúa, vẫn không phản ánh một đức tin trong chân lý. Một thí dụ cụ thể là các giáo hoàng thời Trung Cổ nhân danh Chúa kêu gọi viễn chinh chiếm thành Giê-ru-sa-lem khỏi tay người Hồi Giáo. Tình thương sinh ra hành động, nhưng không yêu thương con người vẫn có thể bán hết gia tài để cho người nghèo, hay chịu chết thiêu nhân danh một điều gì đó (1 Cô-rinh-tô 13:2). Một người mẹ chịu chết thế cho con nhưng vẫn có thể làm cho con hư đốn vì không kỷ luật con. Một người Pha-ri-si kiêu ngạo, giả hình, thiếu yêu thương vẫn có thể dâng 1/10 (Ma-thi-ơ 23:23). Do vậy, Cơ-đốc nhân không thể nào bị lừa mắt vì công đức của một người, làm trong danh Chúa, và xem đó là tấm gương sáng cho Cơ-đốc nhân noi theo. Đứng trước công đức của một người, Cơ-đốc nhân nên có một con mắt phán đoán toàn diện theo ba khía cạnh: đức tin, tình yêu và chân lý. Dựa trên nguyên tắc này chúng tôi không dám

thách thức tình yêu nhân loại của bà Tê-rê-sa, nhưng chúng tôi đặt nhiều nghi vấn cho hai yếu tố kia mà bà nắm: đó là chân lý của Đức Chúa Jesus Christ và đức tin trong Chúa của bà.

Trước hết, Mục Vụ Tình Yêu mà bà sáng lập dựa hoàn toàn vào Ma-thi-ơ 25:34-46, đặc biệt trên mấy chữ "anh em ta." Nhưng anh em của Đức Chúa Jesus Christ là những ai? Chính Đức Chúa Jesus định nghĩa, họ là những người làm theo ý Đức Chúa Cha (Ma-thi-ơ 12:50). Nhưng để cho sự vinh hiển hoàn toàn thuộc về Ngài, chúng ta hãy giả thử anh em Chúa có nghĩa rộng như một số người đề nghị, là toàn bộ nhân loại. Nếu như vậy, thì Đức Chúa Jesus Christ cũng không thể nào bị đồng nhất với người nghèo. Ngài đã phân biệt rõ Ngài và người nghèo khác nhau: Người nghèo đời nào cũng có, lúc nào cũng có, nhưng Ngài thì chúng ta không luôn có (Ma-thi-ơ 26:11). Hơn nữa Đức Chúa Jesus Christ không thể bị đồng nhất với những người phạm tội bị tù (Ma-thi-ơ 25:43) mà không chịu ăn năn. Đức Chúa Jesus cũng không thể ở cùng những người nghèo vật chất, nhưng trong lòng đầy ấp những hình tượng gớm ghiếc (Ma-thi-ơ 5:3). Đúng là sự giàu có cản trở loài người đến gần với Chúa (Ma-thi-ơ 19:24), nhưng giữa hai người: tổ phụ của đức tin là Áp-ra-ham, là một người giàu có, và một người cực kỳ nghèo, nhưng nguyện rửa Đức Chúa Trời vì cái nghèo của mình, Đức Chúa Jesus ở cùng với người trước. Do đó, chúng tôi kết luận, với một sự cẩn trọng cần thiết rằng thần học về người nghèo của bà Tê-rê-sa có phần cực đoan nên lệch khỏi chân lý của Đức Chúa Jesus Christ.

Thứ đến, Thánh Kinh cho biết rằng chúng ta yêu vì Đức Chúa Trời yêu chúng ta trước (1 Giăng 4:19). Lễ đương nhiên chúng ta vẫn "yêu" từ trước khi chúng ta trở thành Cơ-đốc nhân. Điều này rất hiển nhiên trong thế gian giữa những người không hoặc chưa tin Chúa. Đã có biết bao nhiêu giấy mực viết về tình yêu trai gái, cha mẹ con cái, vợ chồng, bà con, bạn bè, xóm giềng, đất nước, nhân loại, chiến hữu, v.v. Nhưng tình yêu này không phải là tình yêu mà Đức Thánh Linh nói qua sứ đồ Giăng. Tình yêu Cơ-đốc phải có Đức Chúa Jesus và tất cả những gì thuộc về Ngài ngự trị. Tình yêu Cơ-đốc không phải là tình yêu nhân danh Đấng Christ mà là tình yêu có Đấng Christ và sự chết cứu chuộc và sự sống lại đặc trưng của Ngài hiện hữu. Tình yêu Cơ-đốc không thể thiếu chất Christ.

Do vậy, khi một người biểu hiện tình yêu thật của Đấng Christ chiếu sáng qua mình cho tha nhân, người đó không thể không nói về sự chết cứu chuộc của Ngài. Đặc biệt khi đời sống tha nhân đó chỉ còn đếm phút hoặc giây. Một người đứng trước cái chết chẳng còn gì thuộc thể để mang theo. Những bệnh nhân hấp hối mà bà Tê-rê-sa chăm sóc dù muôn hình vạn trạng đều thuộc vào hai loại tên trộm cùng đóng đinh với Đức Chúa Jesus. Hai tên trộm này có cùng một quá khứ "lầy lùnh" trong tội lỗi giống nhau, nhưng hai thái độ khác nhau khi đối diện với cái chết. Một tên chỉ biết thoá mạ Chúa, còn người kia ý thức quá khứ tội lỗi của mình và xin Chúa nhớ đến ông trong thiên đàng. Do vậy, trong tình yêu của Đấng Christ đã chịu chết cho nhân loại, đứng trước sự xa xí thời gian chỉ có thể đếm bằng phút hoặc giây đó, Cơ-đốc nhân không thể nào nhân danh "tình yêu" mà chịu đựng sự yếu đuối của xác thịt để cung cấp cho tội nhân bất cứ cái gì họ đòi hỏi, ngay cả các lễ nghi tôn giáo chống nghịch Đức Chúa Trời của họ. Đây là "tình yêu" của một người mẹ không nắm chân lý của Chúa, nhét tiền vào túi của con để nó ăn chơi đến hư hỏng. Trong trường hợp bà Tê-rê-sa, "đứa con" đó sẽ không còn dịp để hư hỏng nữa, vì nó sẽ phải chịu chết đời đời trong hoả ngục. Có lẽ vì không chấp nhận hiện thực hoả ngục, hay vì tin vào ngục luyện tội nên bà Tê-rê-sa không có khái niệm về nhu cầu cấp bách của một người phải đối diện sự cứu rỗi và hư mất trong phút lâm chung, và do đó bà không giảng về điều này.

Thế gian thường gọi Đức Chúa Jesus Christ là Chúa Cứu Thế, nhưng nếu không có hoả ngục thì Chúa đó Cứu Thế gian khỏi cái gì, cứu làm sao? Nếu cứ ở trong một tôn giáo nhưng cứ "tu hành" để được tốt hơn hàng ngày và nhờ sự tốt hơn này mà một người tiến đến gần Đức Chúa Trời hơn thì ai ra tiêu chuẩn cho sự tốt hơn đó? Cái đích tối hậu của tu hành theo Phật Giáo là giác ngộ vô ngã [13]. Như vậy có thể chúng ta nói "tốt hơn" trong Phật Giáo là càng ngày càng ngộ vô ngã, vô Thượng Đế; chúng sinh chỉ bất chợt xuất hiện trong cõi ta bà do

ngiệp mình làm từ muôn vạn kiếp trước? Như vậy, càng "tốt hơn" trong Phật Giáo chừng nào - tức là tiến gần tới giác ngộ vô ngã chừng nào - con người càng chống nghịch với Đức Chúa Trời chừng đó. Mặc dù tất cả các tôn giáo thế gian đều khác nhau về cơ bản, nhưng lập luận trên đều có thể áp dụng cho tất cả. Nghĩa là, càng tốt hơn trong tôn giáo thế gian, càng chống nghịch Đức Chúa Trời. Một bệnh nhân hấp hối có thể mỉm cười trút hơi thở cuối cùng nhờ vào sự cung cấp của bà Tê-rê-sa lễ nghi tôn giáo mà người đó đòi hỏi, nhưng khi người ấy đi qua phía bên kia cõi chết, sẽ có "khóc lóc và nghiêng rặng." Nếu bà Tê-rê-sa là một Cơ-đốc nhân, bà phải giới thiệu sự chết cứu chuộc và sự sống lại của Đức Chúa Jesus Christ cho bệnh nhân hấp hối đó, để người đó có cơ hội thi hành ý lực tự do của mình: nhận Chúa hay chống Chúa.

4- Kết luận:

Thần học của bà Tê-rê-sa dựa trên nền tảng của thần học Công Giáo, trộn lẫn vào đó một chủ nghĩa nhân đạo nhân danh Thánh Kinh. "Tình yêu" mà bà Tê-rê-sa phổ biến thiếu vắng tình yêu và công lý của Đức Chúa Trời vì yêu thương thế gian đến nỗi phải giáng án phạt trên chính Con mình.

Trước khi Cơ-đốc nhân phổ biến một điều dạy dỗ nhân danh Thánh Kinh nào của bất kỳ ai thì phải nghiên cứu toàn bộ hệ thống thần học của nó và đối chiếu với chân lý của Thánh Kinh trong sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Cơ-đốc nhân không thể bị lừa mắt vì một công đức nào đó của một người nào, vì Thánh Kinh cho biết, ở ngoài tình yêu, đức tin và chân lý của Chúa, loài người vẫn có thể làm được nhiều chuyện gớm ghê.

(Ngày 29, tháng 12, năm 2006)

Tài liệu tham khảo:

- 1- Mục sư Nguyễn Hữu Cương, " Cầu Phước", Phục Vụ, Số 122, Tháng Hai, tr. 1 (2006)
- 2- Đặc San Hướng Đi, "Mẹ Teresa: Hoa Hồng Trên Cát, Những Câu Nói Được Ưa Thích Của Mẹ Teresa", Số 19, tr. 24, 25 (2006)
- 3- Desmond Doig, "Mother Teresa – Her People and Her Work", William Collins Sons & Co Ltd, Glasgow, p. 137 (1976)
- 4- Compiled by Lucinda Vardey, "Mother Teresa, A Simple Path", Ballantine Books, New York, p. 13 (1995)
- 5- Lê Anh Huy, Huỳnh Christian Timothy, "Nữ Vương Trên Trời", <http://thanhkinhthanhoc.net/tkth/?q=node/14>
- 6- Edited by Kathryn Spink, "Mother Teresa of Calcutta, Life in the Spirit", p. 10 (1983)
- 7- Kathryn Spink, p. 13
- 8- Doig, p. 138
- 9- Doig, p. 146
- 10- Doig, p. 136
- 11- Kathryn Spink, p. 81
- 12- Doig, p. 141
- 13- Lê Anh Huy, "Vô Ngã," <http://hoptinhhoply.net/?q=node/121>

Ngữ vựng:

- a- Mục Vụ Tình Yêu: Ministries of Charity
- b- Phong hạnh: Beatify
- c- Phong thánh: Canonize
- d- Thánh nhân: Saint